

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2024/HS-PT**

Ngày: 23-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Hòa

Ông Phạm Tiến Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998 tại tỉnh Bình Phước; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ F, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1979 và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ngô N – Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: Số B đường E, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; Nơi thường trú và nơi ở: Tổ E, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1984; Nơi thường trú và nơi ở: Tổ E, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người làm chứng:

1. Ông Dương Văn D, sinh năm 1990; Nơi thường trú và nơi ở: Tổ F, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt;
2. Ông Bùi Thế A, sinh năm 1990; Nơi thường trú và nơi ở: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt;
3. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1975; Nơi thường trú và nơi ở: Tổ F, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt;
4. Ông Trần Văn C, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt;
5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/6/2022, ông Nguyễn Văn S đang điều khiển xe cuốc mức đất tại tổ D, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước để san lấp, tu sửa đường thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nói Song mức đất trái phép nên Nguyễn Thành Đ sử dụng điện thoại đến ghi lại hình ảnh rồi Đ về quán nước gần Hội trường Ban ấp T uống nước cùng Dương Văn D. Lúc này, S vào quán gặp Đ hỏi lý do vì sao Đ quay lại hình ảnh Song mức đất thì Đ và S mâu thuẫn, S nhặt một vật không rõ hình dạng ở gần đó đe dọa Đ thì bị Đ và D dùng tay chân đánh S nhưng không có thương tích gì nên S điều khiển xe ô tô tải chạy đi. Trên đường đi S gọi điện cho em trai là Nguyễn Văn X kể lại việc mâu thuẫn với Đ cho X biết, nghe S kể X điều khiển xe mô tô cầm theo hai cây đinh ba (dụng cụ dùng để xúc cỏ có cán bằng gỗ dài 160cm, gắn 04 thanh kim loại tròn đầu nhọn dài 40cm) đến gặp S rồi điều khiển xe mô tô chở S mang theo hai cây đinh ba đến quán nước tìm gặp Đ, D.

Khi Đ, D ngồi tại quán nước thì có ông Bùi Thế A là Công an viên, ông Nguyễn Văn P1 đến quán cùng uống nước. Trong lúc uống nước thì cha ruột của Đ là ông Nguyễn Văn T cùng chú Trần Văn C biết việc xô xát giữa Đ, S nên cũng đến quán nước tìm Đ. Khi Đ, D, ông Thế A đang đứng ở phía trước quán, ông P1 đang ngồi uống nước bên trong thì X dừng xe cách D khoảng 02m, cách Đ khoảng 03m, cách ông Thế A khoảng 04m thì X bước xuống xe lấy một cây đinh ba từ tay Song, ông S tay trái cầm một cây đinh ba vẫn còn ngồi trên yên xe mô tô thì D nhìn thấy X cầm cây đinh ba sợ xảy ra đánh nhau nên D đi đến dùng tay nắm phần kim loại của đinh ba, thấy vậy ông T1 đi đến đứng gần ông D dùng tay phụ ông D nắm phần cán cây đinh ba của X đang cầm. Song bước xuống hai tay cầm cán đinh ba, nhìn thấy vậy Thế A sợ xảy ra đánh nhau nên đến dùng hai tay nắm hai bên cán đinh ba từ phía sau người của S làm Song bị kẹp giữa cây đinh ba và ông Thế A. Lúc này, Đ lấy 01 thanh kim loại tròn (dạng tuýp sắt, dài khoảng 70 cm) của ấp T dùng để cắm cờ, cách vị trí S đứng khoảng 03m, đánh nhiều cái theo hướng từ trên xuống và ngược từ phía dưới lên trúng vào tay của S, S lùi lại làm S và Thế A té ngã xuống mương thì Đ trượt ngã theo. Lúc này ông X cầm cán đinh ba bằng tay trái, ông D và ông C vẫn đang giằng co cây đinh ba với ông X

thì ông X sử dụng tay phải lấy từ trong túi quần một con dao bấm (cán bằng nhựa dài khoảng 06 cm, lưỡi bằng kim loại bén nhọn dài khoảng 04 cm), dọa D và C. Sau khi đánh trúng ông S thì Đ tiếp tục dùng thanh kim loại quay sang chỗ X, cách đó khoảng 03m đánh nhiều cái từ trên xuống trúng tay phải của X. Khi Thế A lấy cây đinh ba của ông S, nghe ông S nói đau quá nên X buông tay ra khỏi cây đinh ba, ông D lấy cây đinh ba của ông X đưa cho ông Thế A giữ. X vừa cầm dao bằng tay phải vừa điều khiển xe mô tô chở ông S đến Trung tâm y tế thị xã B điều trị thương tích, trên đường đi Xuân ném con dao.

Nhận được nguồn tin Công an xã T đã đến hiện trường xác định nơi xảy ra vụ việc và lập biên bản, thu giữ 02 cây đinh ba, 02 đôi dép, 01 viên gạch ống loại 04 lỗ do Đ giao nộp; 03 thanh kim loại (tuýp sắt) do ông Nguyễn Sơn L chủ quán nước giao nộp. Đối với thanh kim loại (tuýp sắt) Đ dùng đánh S và X nhưng thu được 03 thanh kim loại tại hiện trường. Cơ quan điều tra đã cho Đ nhận dạng, Đ xác định thanh kim loại sử dụng đánh X và S giống như một thanh kim loại trong ba thanh kim loại đã tạm giữ. Mặc dù không thu giữ được con dao của ông X nhưng D sử dụng điện thoại chụp được hình ảnh ông X cầm dao.

Ngày 03/01/2023, ông X và ông S đã làm đơn tố cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với Đ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 462/2022/TgT ngày 01/12/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn S như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Trầy xước 1/3 trước - giữa - trong cánh tay trái hiện không thấy dấu vết tổn thương.

- Vết trầy xước da 1/3 trước - giữa - trong cánh tay trái kích thước (2x0,1) cm.

Tổn thương trên có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra.

- Dập dột 2 ngón I tay trái hiện đang cal xương.

+ Sẹo mặt lòng dột 3 ngón I bàn tay trái kích thước (2x0,1)cm gọn, cứng tại sẹo, hạn chế gấp duỗi ngón I do đau.

Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật tày cứng (có thể có cạnh) tác động trực tiếp gây ra.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 04% (Bốn phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 463/2022/TgT ngày 30/12/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận thương tích của Nguyễn Văn X như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo 1/3 trên – sau cẳng tay phải kích thước (1,8 x 0,5)cm lành tốt.

- Gãy 1/3 trên xương trụ phải can tốt.

->Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật tày cứng (có thể có cạnh) tác động theo hướng từ sau cẳng tay ra trước cẳng tay.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 07% (Bảy phần trăm).

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo Đ bồi thường chi phí điều trị thương tích là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và tiền thu nhập bị mất do ảnh hưởng của thương tích là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Bị hại ông Nguyễn Văn X yêu cầu bị cáo Đ bồi thường chi phí điều trị thương tích là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) và tiền thu nhập bị mất do ảnh hưởng của thương tích là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, quyết định:

1. Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Nguyễn Thành Đ 8 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 (một) năm 4 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật D1 sụnăm 2015:

Bị cáo Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn S 16.400.000đ gồm chi phí khám chữa bệnh, tiền viện phí, tiền thuốc, chi phí điều trị thương tích 12.000.000đ và 2.400.000 đồng tiền công nghỉ bệnh, tiền người nuôi bệnh, 2.000.000 đồng tiền xe đi cấp cứu.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn X là 6.100.000đ gồm chi phí khám chữa bệnh, tiền viện phí, tiền thuốc, chi phí điều trị thương tích là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) và 3.000.000 đồng tiền công nghỉ bệnh, tiền người nuôi bệnh và chi phí ăn uống trong thời gian 7 ngày.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ đã nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng” cho các bị hại.

Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Văn S về việc đòi bị cáo Nguyễn Thành Đ bồi thường tiền thuê công làm (thuê người lái xe thay) trong thời gian nghỉ để chữa trị vết thương không thể đi làm, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Văn X về việc đòi bị cáo Nguyễn Thành Đ bồi thường tiền thuê công làm (thuê người lái xe thay) trong thời gian nghỉ để chữa trị vết thương không thể đi làm, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2023 các bị hại ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố lại vụ án do bỏ lọt đồng phạm; cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa nghiêm; chưa xem xét đầy đủ phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị hại Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X thấy rằng:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/6/2022, tại quán nước gần Hội trường Ban ấp T, xã T, thị xã B do có mâu thuẫn từ việc Đ nghĩ Song khai thác đất trái phép chụp lại hình ảnh Song mức đất nên giữa Đ và S xảy ra mâu thuẫn đánh nhau nhưng không có thương tích nên S bỏ đi. Sau đó, S rủ X quay lại tìm Đ, khi đi X và S cầm theo 02 cây đinh ba (dùng để xúc cỏ, cán bằng gỗ dài 160cm, gắn 04 thanh kim loại tròn đầu nhọn dài 40cm). Khi thấy X đến, mang theo 01 cây đinh ba, D và C liền dùng tay giữ cán cây đinh ba của X, S cũng xuống xe cầm cây đinh ba thì Thế A dùng hai tay giữ cán cây đinh ba, kẹp người Song lại để không xảy ra đánh nhau, lúc này Đ lấy 01 cây tuýp kim loại tròn (tuýp sắt) dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 2cm (dùng cắm cò) đánh vào tay của S, gây dập nát 2 ngón tay I tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 4%; đánh vào cánh tay của X, gây ½ trên xương trụ phải can tốt, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 7%. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi dùng cây tuýp sắt là hung khí nguy hiểm đánh vào ngón tay của bị hại S, đánh vào cánh tay của bị hại X gây thương tích cho các bị hại như trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Bị hại kháng cáo cho rằng, ngoài hành vi phạm tội của bị cáo Đ còn có các đồng phạm khác là Dương Văn D, Bùi Thế A, Nguyễn Văn P1, ông Nguyễn

Văn T, Trần Văn C. Tuy nhiên, xét thấy kháng cáo của các bị hại là không có căn cứ bởi lẽ: Tại các biên bản lấy lời khai bị hại Song các ngày 13/7/2022, (bút lục 58, 59) bị hại khai khi thấy bị hại cầm cây đinh ba, Thế A dùng 02 tay giữ cây đinh ba lại, còn Đ là người dùng cây tuýp sắt đánh vào tay của bị hại S; Tại biên bản lấy lời khai bị hại X ngày 13/7/2022 (bút lục 63, 64, 173, 174) bị hại X khai khi thấy X cầm cây đinh ba, anh D lại giữ mũi cây đinh ba, X giữ phần cán, hai bên giằng co trong lúc X rút dao trong túi ra hù dọa, thì Đ dùng cây tuýp sắt đánh X, X đưa tay lên đỡ thì trúng vào cánh tay, lúc này thấy Đ đánh X mọi người can ngăn Đ thì Đ dừng lại. Xét thấy, lời khai của bị hại hoàn toàn phù hợp lời khai bị cáo Đ và của những người có mặt tại hiện trường là Dương Văn D, Bùi Thế A, Nguyễn Văn P1, ông Nguyễn Văn T, Trần Văn C, phù hợp kết luận giám định thương tích của bị hại, biên bản thực nghiệm điều tra. Do đó, có căn cứ xác định thương tích của bị hại Song, X là do bị cáo Đ dùng 01 cây tuýp sắt đánh gây ra, việc anh D, Thế A, P1, Chỉ giữ 02 cây đinh ba do S, X mang đến không phải để tạo điều kiện cho Đ gây thương tích cho S, X mà để Song, X không gây thương tích cho ai. Bị hại X cho rằng trong quá trình giằng co với anh D có nhiều người vào đánh, đâm X nhưng X không xác định được là ai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đ có một phần lỗi của người bị hại, chỉ vì mâu thuẫn do nghĩ Đ gây khó khăn cho việc mức đất tu sửa đường nhưng bị hại Song không báo chính quyền địa phương giải quyết mà tự tìm Đ giải quyết mâu thuẫn và gọi cho X cùng mang theo hung khí là 02 cây đinh ba, 01 con dao bấm đến tìm gặp Đ. Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm, hậu quả thương tích gây ra cho các bị hại không lớn, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ 08 tháng tù là tương xứng mức độ hành vi phạm tội bị cáo. Đối chiếu điều kiện được hưởng án treo thì bị cáo Đ cũng đủ điều kiện cho hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[2.3] Về phân trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Bị hại Song yêu cầu bị cáo Đ bồi thường chi phí điều trị thương tích 12.000.000 đồng; tiền công người nuôi bệnh trong 04 ngày là 2.400.000 đồng; tiền thuê xe đi cấp cứu, tái khám là 4.000.000 đồng; tiền thuê người lái xe thay trong thời gian bị cáo chữa bệnh là 500.000 đồng/ngày x 02 tháng = 30.000.000 đồng.

Bị hại X yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích 3.100.000 đồng, tiền công người nuôi bệnh, chi phí ăn uống trong 07 ngày là 3.000.000 đồng, tiền thuê xe đi cấp cứu, tái khám là 4.000.000 đồng; tiền thuê người lái xe thay trong thời gian bị cáo chữa bệnh là 500.000 đồng/ngày x 02 tháng = 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đ đồng ý bồi thường cho bị hại Song chi phí điều trị thương tích, tiền công người nuôi bệnh, tiền thuê người lái xe đi cấp cứu như trên với tổng số tiền 16.400.000 đồng, đồng ý bồi thường cho bị hại X chi phí điều trị thương tích, tiền công người nuôi bệnh với tổng số tiền 6.100.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại. Đối với tiền thuê người lái xe thay 30.000.000 đồng bị cáo Đ không đồng ý bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do bị hại tự thuê người lái xe, thời gian nghỉ phục hồi sức khỏe 02 tháng do bị hại tự nghỉ, không theo chỉ định bác sỹ nên không có căn cứ chấp nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị hại cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền thuê người lái xe thay 30.000.000 đồng là không khách quan. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các bị hại đều không có chứng cứ, tài liệu chứng minh đối với yêu cầu bồi thường này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tách ra giải quyết trong vụ án dân sự khác khi bị hại có yêu cầu và có căn cứ chứng minh.

Do đó kháng cáo các bị hại ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn S là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí phúc thẩm: Mỗi bị hại Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

1. Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt Nguyễn Thành Đ 8 (T2) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 (một) năm 4 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Đ cho chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật D1 sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn S 16.400.000 (mười sáu triệu, bốn trăm ngàn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn X là 6.100.000 (sáu triệu một trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ đã nộp số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001504 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng cho các bị hại Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn S.

Tách yêu cầu ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X về việc đòi bị cáo Nguyễn Thành Đ bồi thường tiền thuê công làm trong thời gian nghỉ để chữa trị vết thương không thể đi làm, số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) giải quyết trong vụ án khác khi có tài liệu chứng cứ chứng minh và có yêu cầu.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị hại Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn X phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA thị xã Bình Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- CQTHAHS CA thị xã Bình Long;
- CQĐT CA thị xã Bình Long;
- CQCSĐT CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Bị cáo;
- UBND xã Thanh Lương;
- Bị hại;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

Lê Hồng Hạnh